



Công ty TNHH Một Thành viên Quản lý Quỹ ACB

Báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2016



Công ty TNHH Một Thành viên Quản lý Quỹ ACB
Thông tin về Công ty

Giấy phép hoạt động	41/UBCK-GP	ngày 28 tháng 10 năm 2008
	54/UBCK-GP	ngày 2 tháng 12 năm 2009
	33/GPĐC-UBCK	ngày 25 tháng 10 năm 2013
	05/GPĐC-UBCK	ngày 9 tháng 2 năm 2015
	30/GPĐC-UBCK	ngày 3 tháng 12 năm 2015

Giấy phép hoạt động và các giấy phép điều chỉnh do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam cấp và có giá trị trong vòng 50 năm kể từ ngày cấp giấy phép đầu tiên.

Hội đồng Thành viên	Ông Lương Văn Tự	Chủ tịch
	Ông Nguyễn Minh Tuấn	Thành viên
	Bà Nguyễn Ngọc Như Uyên	Thành viên

Tổng Giám đốc Ông Nguyễn Minh Tuấn

Trụ sở đăng ký Lầu 12, 480 Nguyễn Thị Minh Khai
Phường 2, Quận 3
Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Công ty kiểm toán Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty TNHH Một Thành viên Quản lý Quỹ ACB
Báo cáo của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty TNHH Một Thành viên Quản lý Quỹ ACB (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính được trình bày từ trang 5 đến trang 31 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính này.



Nguyễn Minh Tuấn
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 2 năm 2017



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84-8 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi Nhà đầu tư
Công ty TNHH Một Thành viên Quản lý Quỹ ACB**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty TNHH Một Thành viên Quản lý Quỹ ACB (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu và báo cáo lưu chuyển tiền tệ liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành vào ngày 28 tháng 2 năm 2017, được trình bày từ trang 5 đến trang 31.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty TNHH Một Thành viên Quản lý Quỹ ACB tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 16-01-192



Trương Vĩnh Phúc
Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 1901-2013-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Phạm Huy Cường
Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 2675-2014-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 2 năm 2017

Công ty TNHH Một Thành viên Quản lý Quỹ ACB
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu B01 – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	31/12/2015 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 150)	100		49.552.824.723	53.982.194.547
Tiền	110	4	1.001.435.984	201.072.608
Tiền	111		201.435.984	201.072.608
Các khoản tương đương tiền	112		800.000.000	-
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	48.282.443.100	53.482.604.056
Đầu tư ngắn hạn	121		52.470.738.500	53.482.604.056
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(4.188.295.400)	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		151.260.555	298.517.883
Các khoản phải thu khác	135	6	151.260.555	298.517.883
Tài sản ngắn hạn khác	150		117.685.084	-
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154	7	117.685.084	-
Tài sản dài hạn (200 = 220)	200		-	-
Tài sản cố định	220		-	-
Tài sản cố định hữu hình	221	8	-	-
Nguyên giá	222		25.313.000	25.313.000
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(25.313.000)	(25.313.000)
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		49.552.824.723	53.982.194.547

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty TNHH Một Thành viên Quản lý Quỹ ACB
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B01 – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	31/12/2015 VND
NGUỒN VỐN				
Nợ phải trả (300 = 310)	300		340.445.200	426.601.525
Nợ ngắn hạn	310		340.445.200	426.601.525
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	7	5.393.000	6.541.525
Phải trả công nhân viên	315		246.640.000	401.560.000
Chi phí phải trả	316		37.000.000	18.500.000
Phải trả ngắn hạn khác	319		51.412.200	-
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		49.212.379.523	53.555.593.022
Vốn chủ sở hữu	410		49.212.379.523	53.555.593.022
Vốn góp của chủ sở hữu	411	9	50.000.000.000	50.000.000.000
Quỹ dự phòng tài chính	418		909.966.055	909.966.055
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	419		282.467.722	282.467.722
(Lỗ lũy kế)/lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(1.980.054.254)	2.363.159.245
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		49.552.824.723	53.982.194.547

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty TNHH Một Thành viên Quản lý Quỹ ACB
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B01 – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	31/12/2015 VND
Chứng khoán lưu ký của Công ty theo mệnh giá, trong đó:	006		9.104.990.000	-
- Chứng khoán giao dịch	007		9.104.990.000	-
Chứng khoán chưa lưu ký của Công ty theo mệnh giá	020		-	9.104.990.000
Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác	030	10	-	4.585.521
- Nhà đầu tư ủy thác trong nước	031		-	4.585.521
Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác	050	11	-	82.586.340.000
Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác	051	12	-	1.000.000

Ngày 28 tháng 2 năm 2017

Người lập



Bà Trần Thị Thu Thủy
Kế toán trưởng

Người duyệt



Ông Nguyễn Minh Tuấn
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty TNHH Một Thành viên Quản lý Quỹ ACB**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016****Mẫu B02 – CTQ***(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2016 VND	2015 VND
Doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh	10	13	807.586.340	101.377.599
Chi phí hoạt động kinh doanh	11	14	275.604.557	187.247.394
Lợi nhuận/(lỗ) gộp từ hoạt động kinh doanh (20 = 10 - 11)	20		531.981.783	(85.869.795)
Doanh thu hoạt động tài chính	21	15	3.509.189.736	5.604.306.171
Chi phí tài chính	22	16	4.191.208.995	14.247.675
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	17	1.831.183.867	2.222.922.757
(Lỗ)/lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - 25}	30		(1.981.221.343)	3.281.265.944
Thu nhập khác	31		1.252.650	85.057.767
Chi phí khác	32		85.561	-
Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		1.167.089	85.057.767
(Lỗ)/lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		(1.980.054.254)	3.366.323.711
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	18	-	740.591.216
(Lỗ)/lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		(1.980.054.254)	2.625.732.495

Ngày 28 tháng 2 năm 2017

Người lập


Bà Trần Thị Thu Thủy
Kế toán trưởng

Người duyệt


Ông Nguyễn Minh Tuấn
Tổng Giám đốc*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*

Công ty TNHH Một Thành viên Quản lý Quỹ ACB
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(Phương pháp trực tiếp)

Mẫu B03 – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

	Mã số	2016 VND	2015 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Tiền thu từ hoạt động nghiệp vụ	01	807.586.340	218.072.944
Tiền chi trả cho hoạt động nghiệp vụ và người cung cấp hàng hóa, dịch vụ	02	(299.523.123)	(10.915.161.406)
Tiền chi trả cho người lao động	03	(1.880.826.172)	(1.985.614.660)
Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(120.374.609)	(888.469.352)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	190.365.388	867.649.821
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	07	(201.017.823)	(792.438.939)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(1.503.789.999)	(13.495.961.592)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua các công cụ nợ	23	(102.000.000.000)	(50.728.299.502)
Tiền thu từ thanh lý các công cụ nợ	24	103.011.865.556	54.985.036.724
Tiền thu từ thanh lý cổ phiếu	26	-	8.200.930.125
Tiền thu từ lãi tiền gửi, cổ tức, trái tức	27	3.655.447.064	3.430.402.390
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	4.667.312.620	15.888.069.737
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Lợi nhuận chuyển về cho công ty mẹ	36	(2.363.159.245)	(2.721.259.737)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(2.363.159.245)	(2.721.259.737)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty TNHH Một Thành viên Quản lý Quỹ ACB
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(Phương pháp trực tiếp – tiếp theo)

Mẫu B03 – CTQ
*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
 ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	2016 VND	2015 VND
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	800.363.376	(329.151.592)
Tiền đầu năm	60	201.072.608	530.224.200
Tiền cuối năm (70 = 50 + 60) (Thuyết minh 4)	70	1.001.435.984	201.072.608

Ngày 28 tháng 2 năm 2017

Người lập



Bà Trần Thị Thu Thủy
 Kế toán trưởng

Người duyệt



Ông Nguyễn Minh Tuấn
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty TNHH Một Thành viên Quản lý Quỹ ACB

Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu B05 – CTQ

(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2015	50.000.000.000	778.679.430	151.181.097	2.721.259.737	53.651.120.264
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	2.625.732.495	2.625.732.495
Phân bổ vào quỹ dự phòng tài chính	-	131.286.625	-	(131.286.250)	-
Phân bổ vào quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	-	-	131.286.625	(131.286.625)	-
Lợi nhuận chuyển cho công ty mẹ	-	-	-	(2.721.259.737)	(2.721.259.737)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2015	50.000.000.000	909.966.055	282.467.722	2.363.159.245	53.555.593.022
Lỗ thuần trong năm	-	-	-	(1.980.054.254)	(1.980.054.254)
Lợi nhuận chuyển cho công ty mẹ	-	-	-	(2.363.159.245)	(2.363.159.245)
Số dư vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	50.000.000.000	909.966.055	282.467.722	(1.980.054.254)	49.212.379.523

Ngày 28 tháng 2 năm 2017

Người lập



Bà Trần Thị Thu Thủy
Kế toán trưởng

Người duyệt



Ông Nguyễn Minh Tuấn
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty TNHH Một Thành viên Quản lý Quỹ ACB
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu B09 – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

Công ty TNHH Một Thành viên Quản lý Quỹ ACB (“Công ty”) là một công ty quản lý quỹ đầu tư được thành lập tại Việt Nam. Hoạt động chính của Công ty là lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán và quản lý danh mục đầu tư chứng khoán theo giấy phép hoạt động số 41/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp vào ngày 28 tháng 10 năm 2008. Giấy phép hoạt động được điều chỉnh nhiều lần, trong đó giấy phép điều chỉnh gần nhất là số 30/GPĐC-UBCK vào ngày 3 tháng 12 năm 2015 (“Giấy phép hoạt động”).

Công ty được sở hữu 100% bởi Công ty TNHH Chứng Khoán ACB (“Công ty mẹ”).

Tổng vốn đầu tư và vốn pháp định của Công ty theo quy định trong Giấy phép hoạt động là 50.000 triệu VND.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty có 10 nhân viên (31/12/2015: 10 nhân viên) trong đó có 6 nhân viên (31/12/2015: 6 nhân viên) được cấp chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ.

Họ và tên	Số chứng chỉ	Ngày cấp	Vị trí công tác
Trần Thị Mỹ Hương	000121/QLQ	15/04/2009	Kiểm soát nội bộ
Phan Vũ Quỳnh Hoa	001045/QLD	28/11/2013	Chuyên viên đầu tư
Nguyễn Thái Bảo Luân	000640/QLQ	26/06/2010	Phó phòng phân tích
Trần Thị Thu Thủy	000087/QLQ	16/02/2009	Kế toán trưởng
Mai Thị Kim Loan	000975/QLQ	28/06/2013	Kế toán viên
Đào Quang Hiền	001139/QLQ	13/08/2014	Chuyên viên tư vấn đầu tư chứng khoán

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính được lập phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp trực tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

Công ty TNHH Một Thành viên Quản lý Quỹ ACB

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ

*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyên khoản/bán chuyên khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

(i) Phân loại

Các khoản đầu tư ngắn hạn bao gồm chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư ngắn hạn khác.

- Chứng khoán kinh doanh là các loại chứng khoán được Công ty nắm giữ vì mục đích kinh doanh, tức là mua vào bán ra để thu lợi nhuận trong thời gian ngắn.
- Các khoản đầu tư ngắn hạn khác thể hiện khoản tiền gửi có kỳ hạn từ trên ba tháng đến mười hai tháng kể từ ngày gửi tiền.

Các khoản đầu tư dài hạn khác là các khoản đầu tư dài hạn được Công ty mua với mục đích nắm giữ đến ngày đáo hạn hoặc nắm giữ với mục đích sẵn sàng để bán.

Công ty TNHH Một Thành viên Quản lý Quỹ ACB
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

(ii) Ghi nhận

Công ty ghi nhận các khoản đầu tư ngắn hạn và các khoản đầu tư dài hạn khác tại ngày mà Công ty trở thành một bên tham gia ký kết các điều khoản hợp đồng đầu tư.

Việc mua các chứng khoán đầu tư dài hạn được ghi nhận tại ngày giao dịch.

(iii) Đo lường

Các khoản đầu tư ngắn hạn và các khoản đầu tư dài hạn được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được xem là cần thiết bởi Tổng Giám đốc. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi giá thị trường của khoản đầu tư giảm xuống thấp hơn nguyên giá hoặc nếu công ty nhận đầu tư bị lỗ.

Dự phòng được hoàn nhập nếu việc tăng giá trị có thể thu hồi sau đó có thể liên hệ một cách khách quan tới một sự kiện phát sinh sau khi khoản dự phòng này được lập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu bao gồm các khoản phải thu từ hoạt động quản lý quỹ và các khoản phải thu khác. Các khoản phải thu được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- thiết bị văn phòng 3 – 5 năm

Công ty TNHH Một Thành viên Quản lý Quỹ ACB

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ

*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

(f) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

(g) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(h) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(i) Các quỹ dự trữ

Theo Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 10 năm 2014 do Bộ Tài Chính ban hành về hướng dẫn chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ, Công ty phải trích lập các quỹ sau trước khi phân phối lợi nhuận:

	Tỷ lệ trích lập hằng năm	Số dư tối đa
Quỹ dự phòng tài chính	5% lợi nhuận sau thuế	10% vốn điều lệ
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5% lợi nhuận sau thuế	10% vốn điều lệ

Công ty TNHH Một Thành viên Quản lý Quỹ ACB

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ

*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

Quỹ dự phòng tài chính dùng để bù đắp phần còn lại của những tổn thất, thiệt hại về tài sản xảy ra trong quá trình kinh doanh sau khi đã được bù đắp bằng tiền bồi thường của các tổ chức, cá nhân gây ra tổn thất, của tổ chức bảo hiểm và sử dụng dự phòng trích lập trong chi phí; sử dụng cho các mục đích khác theo quy định của pháp luật.

Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ được trích từ lợi nhuận sau thuế hàng năm để bổ sung vốn điều lệ của Công ty.

Công ty không được sử dụng quỹ dự phòng tài chính và quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ để chi trả cổ tức.

(j) Phân loại các công cụ tài chính

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty và tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Công ty phân loại các công cụ tài chính như sau:

(i) Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được Tổng Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - là công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp tài sản tài chính vào nhóm được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp vào nhóm được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các tài sản tài chính đã được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản cho vay và phải thu

Công ty TNHH Một Thành viên Quản lý Quỹ ACB
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản đầu tư dài hạn được phân loại vào nhóm tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Các khoản đầu tư ngắn hạn và tất cả các tài sản tài chính khác được phân loại vào nhóm các khoản cho vay và phải thu.

(ii) *Nợ phải trả tài chính*

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Tổng Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu thỏa mãn một trong các điều kiện sau:
 - được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - là công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Công ty TNHH Một Thành viên Quản lý Quỹ ACB
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Tất cả các khoản nợ phải trả tài chính trên bảng cân đối kế toán đều được phân loại vào nhóm nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

(k) Hợp đồng ủy thác đầu tư

Công ty nhận tiền từ khách hàng và sử dụng số tiền này đầu tư vào chứng khoán thay khách hàng theo các điều khoản của hợp đồng ủy thác đầu tư. Khoản đầu tư vào chứng khoán thay cho khách hàng theo hợp đồng ủy thác đầu tư và các tài sản và nợ phải trả liên quan đến các hợp đồng này được ghi nhận trong mục các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành. Thông tư này không yêu cầu đánh giá lại các chứng khoán nắm giữ cho mục đích kinh doanh của nhà đầu tư ủy thác.

(l) Doanh thu và thu nhập khác

Doanh thu được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn rằng Công ty sẽ nhận được các lợi ích kinh tế và doanh thu có thể xác định được một cách đáng tin cậy. Các tiêu chí cụ thể sau đây cũng cần phải đạt được trước khi doanh thu được ghi nhận:

(i) Doanh thu hoạt động quản lý quỹ

Phí quản lý và phí thưởng hoạt động được ghi nhận khi được hưởng. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(ii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(iii) Doanh thu từ cổ tức

Cổ tức bằng tiền được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi quyền nhận cổ tức của Công ty được xác lập.

Cổ tức bằng cổ phiếu và các cổ phiếu thưởng nhận được không được ghi nhận là một khoản tăng giá trị khoản đầu tư và thu nhập không được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Công ty chỉ cập nhật và theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm.

Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

Công ty TNHH Một Thành viên Quản lý Quỹ ACB
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

(m) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(n) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các bên liên quan bao gồm công ty mẹ, công ty mẹ cấp cao nhất và các công ty con, các công ty liên kết của các công ty trên. Các bên liên quan cũng bao gồm các quỹ do Công ty quản lý và các thành viên Hội đồng Thành viên của Công ty.

(o) Số dư bằng không

Các khoản mục hay các số dư quy định trong Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ nếu không được thể hiện trên báo cáo tài chính này thì được hiểu là có số dư bằng không.

4. Tiền

	31/12/2016	31/12/2015
	VND	VND
Tiền mặt	9.704.493	679.017
Tiền gửi ngân hàng	191.731.491	200.393.591
Các khoản tương đương tiền	800.000.000	-
	<hr/>	<hr/>
Tiền trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ	1.001.435.984	201.072.608

Các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng kể từ ngày gửi tiền. Các khoản tiền gửi có kỳ hạn này có lãi suất năm dao động từ 4,4% - 5,5% (31/12/2015: không).

Công ty TNHH Một Thành viên Quản lý Quỹ ACB

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ

*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

5. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	31/12/2016	31/12/2015
	VND	VND
Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn (i)	10.470.738.500	10.470.738.500
Đầu tư tài chính ngắn hạn khác (ii)	42.000.000.000	43.011.865.556
	<hr/>	<hr/>
	52.470.738.500	53.482.604.056
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (ii)	(4.188.295.400)	-
	<hr/>	<hr/>
	48.282.443.100	53.482.604.056
	<hr/>	<hr/>

Công ty TNHH Một Thành viên Quản lý Quỹ ACB
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ
*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
 ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

- (i) Chi tiết của cổ phiếu đầu tư ngắn hạn do Công ty nắm giữ tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và 2015 như sau:

	31/12/2016				31/12/2015			
	Số lượng	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng giảm giá VND	Số lượng	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng giảm giá VND
Cổ phiếu chưa niêm yết								
Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn	910.499	10.470.738.500	6.282.443.100	(4.188.295.400)	910.499	10.470.738.500	(*)	(*)

- (ii) Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng với kỳ hạn từ trên 3 tháng đến 1 năm kể từ ngày gửi tiền. Các khoản tiền gửi có kỳ hạn này có lãi suất năm dao động từ 5,5% đến 7,5% (31/12/2015: từ 5,5% đến 7,5%).

- (*) Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của cổ phiếu đầu tư ngắn hạn này để thuyết minh trong báo cáo tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 vì không có giá niêm yết trên thị trường cho cổ phiếu này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn về cách xác định giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá.

Biến động dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn phản ánh khoản dự phòng trích lập trong năm.

Công ty TNHH Một Thành viên Quản lý Quỹ ACB**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)****Mẫu B09 – CTQ***(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)***6. Các khoản phải thu khác**

	31/12/2016 VND	31/12/2015 VND
Phải thu lãi tiền gửi ngân hàng	151.260.555	297.517.883
Phải thu khác	-	1.000.000
	<hr/> 151.260.555	<hr/> 298.517.883

7. Thuế và các khoản phải thu/nộp Nhà nước

	1/1/2016 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	(Phải thu)/ phải trả 31/12/2016 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.689.525	-	(120,374,609)	(117.685.084)
Thuế thu nhập cá nhân	3.852.000	34.377.398	(32.836.398)	5.393.000
Các loại thuế khác	-	3.000.000	(3.000.000)	-

8. Tài sản cố định hữu hình

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, tài sản cố định hữu hình bao gồm các thiết bị văn phòng đã được khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

9. Vốn góp

Vốn điều lệ được duyệt của Công ty được góp đầy đủ bởi Công ty TNHH Chứng khoán ACB.

Công ty mẹ trực tiếp, Công ty TNHH Chứng khoán ACB, và công ty mẹ cấp cao nhất, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu, được thành lập tại Việt Nam.

Công ty TNHH Một Thành viên Quản lý Quỹ ACB
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ
*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
 ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

10. Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác

Bao gồm trong tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác có các khoản tiền gửi ngân hàng của nhà đầu tư ủy thác sau:

	31/12/2016	31/12/2015
	VND	VND
Nhà đầu tư ủy thác trong nước		
Nguyễn Thanh Lâm	-	4.585.521

Bảng liệt kê chi tiết biến động tiền gửi ngân hàng trong năm của nhà đầu tư ủy thác như sau:

	2016	2015
	VND	VND
Số dư đầu năm	4.585.521	-
Tăng trong năm	18.679	82.590.925.521
<i>Tiền nhận từ nhà đầu tư ủy thác</i>	-	82.586.500.000
<i>Lãi tiền gửi nhận được</i>	18.679	3.425.521
<i>Nhận tiền từ Công ty chi hộ để mở tài khoản ngân hàng</i>	-	1.000.000
Giảm trong năm	(4.604.200)	(82.586.340.000)
<i>Tiền trả trước mua chứng khoán</i>	-	(82.586.340.000)
<i>Rút vốn đầu tư của nhà đầu tư ủy thác</i>	(4.604.200)	-
 Số dư cuối năm	 -	 4.585.521

11. Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác

	31/12/2016	31/12/2015
	VND	VND
Tiền trả trước mua chứng khoán	-	82.586.340.000

12. Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác

	31/12/2016	31/12/2015
	VND	VND
Phải trả tiền Công ty chi hộ để mở tài khoản ngân hàng	-	1.000.000

Công ty TNHH Một Thành viên Quản lý Quỹ ACB
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ
*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
 ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

13. Doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh

	2016	2015
	VND	VND
Phí quản lý quỹ	-	101.377.599
Phí quản lý doanh mục đầu tư ủy thác	807.586.340	-
	807.586.340	101.377.599
	807.586.340	101.377.599

14. Chi phí hoạt động kinh doanh

	2016	2015
	VND	VND
		(Phân loại lại)
Chi phí nhân viên	136.934.529	177.982.975
Phí chuyển nhượng cổ phiếu	82.586.340	-
Phí phải trả ngân hàng lưu ký	56.083.688	9.264.419
	275.604.557	187.247.394
	275.604.557	187.247.394

15. Doanh thu hoạt động tài chính

	2016	2015
	VND	VND
Thu nhập lãi tiền gửi ngân hàng	2.072.477.408	3.475.168.671
Thu nhập trái tức	1.436.712.328	-
Lãi từ thanh lý cổ phiếu chưa niêm yết	-	2.129.137.500
	3.509.189.736	5.604.306.171
	3.509.189.736	5.604.306.171

Công ty TNHH Một Thành viên Quản lý Quỹ ACB
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ
*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
 ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

16. Chi phí tài chính

	2016	2015
	VND	VND
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	4.188.295.400	-
Phí lưu ký	2.913.595	1.927.800
Chi phí môi giới	-	12.319.875
	4.191.208.995	14.247.675
	4.191.208.995	14.247.675

17. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2016	2015
	VND	VND
Chi phí nhân viên	1.619.126.643	1.846.957.170
Chi phí văn phòng	135.331.622	153.938.741
Công cụ và dụng cụ	13.241.230	133.304.271
Chi phí thuế và lệ phí	3.000.000	7.210.000
Chi phí khác	60.484.372	81.512.575
	1.831.183.867	2.222.922.757
	1.831.183.867	2.222.922.757

18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	2016	2015
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	740.591.216
	-	740.591.216
	-	740.591.216

Công ty TNHH Một Thành viên Quản lý Quỹ ACB**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)****Mẫu B09 – CTQ***(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)***(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	2016 VND	2015 VND
Lợi nhuận trước thuế	(1.980.054.254)	3.366.323.711
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	(396.010.851)	740.591.216
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận	396.010.851	-
	-	740.591.216

(c) Thuế suất áp dụng

Mức thuế suất thuế thu nhập thông thường áp dụng cho Công ty chưa tính các ưu đãi là 20% (2015: 22%). Việc tính thuế thu nhập còn phụ thuộc vào sự kiểm tra và chấp thuận của cơ quan quản lý thuế.

(d) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận

Lỗ tính thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận đối với khoản mục sau:

	31/12/2016		31/12/2015	
	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị tính thuế VND	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị tính thuế VND
Lỗ tính thuế	1.980.054.254	396.010.851	-	-

Lỗ tính thuế hết hiệu lực vào năm 2021:

Năm hết hiệu lực	Tình hình quyết toán	Số lỗ tính thuế được khấu trừ VND
2021	Chưa quyết toán	1.980.054.254

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận đối với các khoản lỗ tính thuế chưa sử dụng bởi vì không có sự chắc chắn rằng sẽ có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để Công ty có thể sử dụng các lợi ích thuế của các khoản mục đó.

Công ty TNHH Một Thành viên Quản lý Quỹ ACB
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

19. Các công cụ tài chính

(a) Quản lý rủi ro tài chính

Tổng quan

Các loại rủi ro mà Công ty phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính bao gồm:

- rủi ro tín dụng;
- rủi ro thanh khoản; và
- rủi ro thị trường.

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Công ty có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Công ty sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

Hội đồng Thành viên của Công ty chịu trách nhiệm kiểm tra xem Tổng Giám đốc giám sát việc tuân thủ chính sách và thủ tục quản lý rủi ro của Công ty như thế nào, và soát xét tính thích hợp của khung quản lý rủi ro liên quan đến những rủi ro mà Công ty gặp phải.

(b) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro lỗ tài chính của Công ty nếu một khách hàng hoặc bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng, và phát sinh chủ yếu từ các khoản đầu tư ngắn hạn.

(i) Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

	Thuyết minh	31/12/2016 VND	31/12/2015 VND
Tiền gửi ngân hàng	(ii)	991.731.491	200.393.591
Đầu tư tài chính ngắn hạn khác	(ii)	42.000.000.000	43.011.865.556
Các khoản phải thu khác	(ii)	151.260.555	298.517.883
		<hr/>	<hr/>
		43.142.992.046	43.510.777.030

(ii) Tiền gửi ngân hàng, đầu tư tài chính ngắn hạn khác và các khoản phải thu khác

Các khoản tiền gửi ngân hàng và đầu tư tài chính ngắn hạn khác của Công ty chủ yếu được gửi tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu, công ty mẹ cấp cao nhất. Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và các khoản lãi phải thu và không cho rằng ngân hàng này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Công ty.

Công ty TNHH Một Thành viên Quản lý Quỹ ACB**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)****Mẫu B09 – CTQ***(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)***(c) Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Công ty không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản của Công ty là đảm bảo ở mức cao nhất rằng Công ty luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện căng thẳng về mặt tài chính mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Công ty.

Các khoản nợ tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

31/12/2016	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND
Phải trả công nhân viên	246.640.000	246.640.000	246.640.000
Chi phí phải trả	37.000.000	37.000.000	37.000.000
Phải trả ngắn hạn khác	51.412.200	51.412.200	51.412.200
	335.052.200	335.052.200	335.052.200
31/12/2015	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND
Phải trả công nhân viên	401.560.000	401.560.000	401.560.000
Chi phí phải trả	18.500.000	18.500.000	18.500.000
	420.060.000	420.060.000	420.060.000

(d) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường như tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá cổ phiếu sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Công ty nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

(i) Rủi ro tỷ giá hối đoái

Công ty không chịu rủi ro tỷ giá hối đoái do các tài sản và nợ phải trả của Công ty có gốc bằng VND cũng là đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty.

Công ty TNHH Một Thành viên Quản lý Quỹ ACB
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

(ii) Rủi ro lãi suất

Tại ngày báo cáo, các công cụ tài chính chịu lãi suất của Công ty như sau:

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2016 VND	31/12/2015 VND
Các công cụ tài chính có lãi suất cố định		
Các khoản tương đương tiền	800.000.000	-
Đầu tư tài chính ngắn hạn khác	42.000.000.000	43.011.865.556
	<hr/>	<hr/>
	42.800.000.000	43.011.865.556
	<hr/>	<hr/>
Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi		
Tiền gửi ngân hàng	191.731.491	200.393.591
	<hr/>	<hr/>

Mỗi thay đổi 100 điểm cơ bản sẽ không có ảnh hưởng đáng kể đến lợi nhuận/(lỗ) thuần sau thuế cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 và 2015 của Công ty. Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi.

(iii) Rủi ro giá thị trường

Rủi ro giá thị trường là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính sẽ giảm do biến động của chỉ số giá cổ phiếu và giá trị của các chứng khoán đơn lẻ.

Công ty đầu tư vào cổ phiếu đã niêm yết trên thị trường Upcom. Giá trị của các cổ phiếu này sẽ bị ảnh hưởng bởi rủi ro giá thị trường phát sinh từ sự không chắc chắn về những biến động giá thị trường trong tương lai của các cổ phiếu này. Công ty quản lý rủi ro giá thị trường bằng việc đa dạng hóa danh mục đầu tư và thận trọng trong việc lựa chọn các chứng khoán để đầu tư trong hạn mức quy định.

Công ty TNHH Một Thành viên Quản lý Quỹ ACB

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ

(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

(e) Giá trị hợp lý

(i) So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính, cùng với các giá trị ghi sổ được trình bày tại bảng cân đối kế toán, như sau:

	31/12/2016		31/12/2015	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
<i>Được phân loại là tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:</i>				
- Đầu tư chứng khoán ngắn hạn	6.282.443.100	6.282.443.100	10.470.738.500	(*)
<i>Được phân loại là các khoản cho vay và phải thu:</i>				
- Tiền và các khoản tương đương tiền	1.001.435.984	1.001.435.984	201.072.608	201.072.608
- Đầu tư tài chính ngắn hạn khác	42.000.000.000	42.000.000.000	43.011.865.556	43.011.865.556
- Các khoản phải thu khác	151.260.555	151.260.555	298.517.883	298.517.883
Tài sản tài chính	49.435.139.639	49.435.139.639	53.982.194.547	53.982.194.547
<i>Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:</i>				
- Phải trả công nhân viên	246.640.000	246.640.000	401.560.000	401.560.000
- Chi phí phải trả	37.000.000	37.000.000	18.500.000	18.500.000
- Phải trả ngắn hạn khác	51.412.200	51.412.200	-	-
Nợ phải trả tài chính	335.052.200	335.052.200	420.060.000	420.060.000

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của chứng khoán đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các chứng khoán đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

(ii) Cơ sở xác định giá trị hợp lý

Công ty sử dụng các phương pháp và giả định sau trong việc ước tính giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính:

- Các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn bao gồm cổ phiếu của công ty đại chúng chưa niêm yết được đánh giá lại vào ngày lập bảng cân đối kế toán theo giá giao dịch của ngày giao dịch gần nhất của chứng khoán đó tại thời điểm đóng cửa trước ngày đánh giá.

Công ty TNHH Một Thành viên Quản lý Quỹ ACB**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)****Mẫu B09 – CTQ***(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

- Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính khác xấp xỉ bằng giá trị ghi sổ của chúng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và 2015 do thời gian đáo hạn ngắn của các công cụ tài chính này.

20. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Trong năm Công ty có các số dư và giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Giá trị giao dịch		Số dư tại ngày	
	2016 VND	2015 VND	31/12/2016 VND	31/12/2015 VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu - Công ty mẹ cấp cao nhất				
Thu nhập lãi tiền gửi	2.072.424.519	3.475.139.652	151.260.555	297.517.883
Tiền gửi không kỳ hạn	113.049.038.779	69.173.763.483	185.569.236	188.529.537
Tiền gửi có kỳ hạn	78.350.000.000	52.200.000.000	42.800.000.000	43.011.865.556
Công ty TNHH Chứng Khoán ACB - Công ty mẹ				
Đầu tư trái phiếu	30.000.000.000	-	-	-
Thu nhập trái tức	1.436.712.328	-	-	-
Phí môi giới	-	12.319.875	-	-
Phí lưu ký	2.913.595	1.927.800	-	-
Lợi nhuận chuyển cho công ty mẹ	2.363.159.245	2.721.259.737	-	-
Thành viên Hội đồng Thành viên và Tổng Giám đốc				
Tiền lương và thưởng	430.411.500	475.250.000	-	-
Quỹ Đầu tư tăng trưởng ACB				
Phí quản lý Quỹ	-	101.377.599	-	-

Ngày 28 tháng 2 năm 2017

Người lập


Bà Trần Thị Thu Thủy
Kế toán trưởng

Người duyệt


Ông Nguyễn Minh Tuấn
Tổng Giám đốc